

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HS-ST

Ngày: 29/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Bên

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Phạm Thị Thà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn Đ, sinh năm 1990 tại thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H và bà Bùi Thị M; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2008/HS-ST ngày 28/5/2008, Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) xử phạt Đ 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, được trừ 02 tháng 25 ngày đã tạm giam, còn phải chấp hành 09 tháng 05 ngày tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng 10 ngày, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2009/HS-ST ngày 13/7/2009, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt Đ 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với hình phạt 09 tháng 05 ngày tù của Bản án số 41 ngày 28/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây, buộc phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 năm 09 tháng 05 ngày tù, thời gian tính từ ngày 16/9/2008;

Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2014/HS-ST ngày 18/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt Đ 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2023, ngày 14/6/2023 chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1989 tại thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: Thôn L, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Bùi Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa người vào cơ sở chữa bệnh (cai nghiện) số 6050 thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong ngày 26/11/2015; bị tạm giữ từ ngày 08/6/2023, ngày 14/6/2023 chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn Đ*: Luật sư Trần Trung K - Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: A Hồ N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D*: Luật sư Dương Đức T - Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số A đường Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1955; địa chỉ: Thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Anh Nguyễn Đăng N1, sinh năm 1977; địa chỉ: Thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Tăng S, sinh năm 1986; địa chỉ: Số B M, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Cháu Nguyễn Trần Quỳnh A, sinh năm 2009, vắng mặt

2. Anh Đinh Văn D1, sinh năm 1981, vắng mặt

3. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993, vắng mặt

4. Chị Bùi Thị T2, sinh năm 1993, vắng mặt

5. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1968, vắng mặt

6. Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1990, vắng mặt

7. Anh Phạm Văn B1, sinh năm 1982, vắng mặt

8. Chị Trần Thị H2, sinh năm 1975, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2018 (không xác định được ngày, tháng), Lương Văn Đ đặt mua của một người không quen biết 01 súng dạng col xoay dài khoảng 25cm là vũ khí quân dụng cùng 06 viên đạn lắp sẵn trong súng; đầu năm 2022 (không xác định được ngày, tháng) Đ đặt mua của người không quen biết 01 bình xịt hơi cay mang về nhà cất giấu trên gác xép.

Do cần có tiền tiêu sài và trả nợ, đầu tháng 6/2023 Đ và Nguyễn Văn D bàn nhau đi cướp tài sản tại cửa hàng vàng bạc trên địa bàn huyện K, tỉnh Hải Dương. Đ lấy khẩu súng bên trong lắp 06 viên đạn và bình xịt hơi cay mang ra cho D xem. Đ và D bàn nhau đi mua các dụng cụ để cướp tài sản, gồm: 02 áo chống nắng để mặc, 02 khẩu trang vải để đeo, 02 mũ lưỡi trai để đội, giấy đề can để dán vào xe máy, cờ lê để tháo biển số xe mục đích để ngụy trang tránh người khác nhận dạng ra Đ, D và xe máy, búa để đập kính tủ trưng bày vàng để lấy vàng, mang theo ba lô để đựng tài sản khi cướp được; khẩu súng, bình xịt hơi cay để đe dọa, uy hiếp chủ tiệm vàng. Khi vào cửa hàng vàng bạc để cướp tài sản, Đ sẽ dùng súng đe dọa, uy hiếp chủ tiệm vàng để D dùng búa đập tủ kính trưng bày vàng để lấy vàng. Quá trình cướp tiệm vàng, nếu có người đuổi bắt thì Đ sẽ sử dụng súng bắn người truy đuổi để tẩu thoát.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/6/2023, Đ điều khiển xe máy AIR BLADE biển số 15B3-309.95 của Đ chở D mang theo khẩu súng, bình xịt hơi cay và các công cụ, phương tiện đã chuẩn bị nêu trên đến nhà anh Phạm Văn B1, sinh năm 1981, ở thôn K, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng để mượn xe máy YAMAHA biển số 15B2-027.24 của anh Trần Tăng S, sinh năm 1986, ở 2 M, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng (anh S để xe máy ở nhà anh B1) dùng làm phương tiện đi cướp tài sản (anh B1 và anh S không biết). Đ để lại xe máy của Đ ở nhà anh B1, Đ điều khiển xe máy của anh S chở D đến xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương tìm cửa hàng vàng bạc có sơ hở để cướp tài sản. Khi đi đến khu vực nghĩa trang N3 thuộc địa phận xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng thì dừng lại, Đ lấy cờ lê tháo biển số xe, để cờ lê và biển số xe vào trong cốp xe, rồi cùng D dán đề can vào phần đầu xe và phần cuối xe, mặc áo chống nắng, đeo khẩu trang, đeo găng tay y tế, đội mũ lưỡi trai. Khoảng 20 giờ cùng ngày, D điều khiển xe chở Đ đi đến xã B, huyện K thấy có nhiều cửa hàng vàng bạc ở ven đường, nhưng đều có đông người, nên Đ và D bàn nhau không vào cướp nữa mà đi về. Trên đường về đến khu vực nghĩa trang N3 thuộc địa phận xã H, huyện A thì dừng lại lắp biển số xe, tháo gỡ đề can ở xe và đốt đi; cởi áo chống nắng, khẩu trang, mũ lưỡi trai, súng, bình xịt hơi cay, búa và cờ lê cho vào trong ba lô. Sau đó, đi về nhà anh B1 trả xe máy cho anh S, rồi Đ điều khiển xe máy của Đ chở D về nhà Đ.

Trưa ngày 07/6/2023, Đ lại đi mua giấy đề can cùng D tiếp tục rủ nhau đi đến địa bàn huyện K, tỉnh Hải Dương để cướp tài sản tại cửa hàng V. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Đ điều khiển xe máy AIR BLADE biển số 15B3-309.95 của Đ chở D mang theo khẩu súng, bình xịt hơi cay và các công cụ, phương tiện đã

chuẩn bị trước đó đến nhà anh B1 để mượn xe máy YAMAHA biển số 15B2-027.24 của anh S dùng làm phương tiện đi cướp tài sản (anh B1 và anh S không biết). Đ để lại xe máy của Đ ở nhà anh B1, Đ điều khiển xe máy của anh S chở Đ, khi đi đến khu vực nghĩa trang thuộc địa phận xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng thì dừng lại, Đ lấy cờ lê tháo biển số xe, để cờ lê và biển số xe vào trong cốp xe, rồi cùng Đ dán đề can vào phần đầu xe và phần cuối xe, mặc áo chống nắng, đeo khẩu trang, đeo găng tay y tế, đội mũ lưỡi trai. Sau đó, Đ điều khiển xe chở Đ đi sang huyện K. Trên đường đi Đ lấy súng ra bóp cò để thử thấy đạn nổ, Đ lại giấu súng vào trong cặp quần. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ và D phát hiện thấy cửa hàng vàng bạc “Đ” ở thị tứ Đ, xã Đ, huyện K do ông Nguyễn Đăng N làm chủ; D điều khiển xe đi vào trong sân cửa hàng vàng bạc “Đ”, rồi quay đầu xe hướng ra cổng (vẫn để xe nổ máy). Lúc này, anh Nguyễn Đăng N1 là con ông N đang ngồi ở bàn phòng khách giáp với quầy bán hàng, Đ cầm súng đi vào gian quầy bán hàng giơ súng lên dọa anh N1, còn D đi phía sau Đ cầm búa đập vỡ mặt tủ kính trưng bày vàng, lấy 03 vòng vàng loại kiềng đeo cổ trị giá 49.590.000 đồng. Thấy vậy, anh N1 chạy ra bắt giữ, thì Đ cầm súng bắn 01 phát súng nổ về phía anh N1 nhưng không trúng và Đ bỏ chạy ra sân. Cùng lúc này, D cầm búa và 03 vòng vàng chạy ra hiện thì bị anh N1 ôm, giữ nên D bị ngã, rơi 03 vòng vàng và búa ra sân. Đ liền cầm súng bắn liên tiếp 03 phát súng nổ về phía anh N1 mục đích cho D tẩu thoát, thì trúng 01 phát đạn vào ngực bên trái và 01 phát đạn vào đùi bên trái của anh N1, trúng 01 phát đạn vào phía sau đùi bên phải của D. Sau đó, D và Đ cầm súng bỏ chạy khỏi hiện trường, trên đường bỏ chạy Đ bị ngã, Đ đưa khẩu súng cho D cầm. Đến địa bàn xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, D và Đ nhờ anh Đỗ Văn C, sinh năm 1990, ở thôn D, xã A (không quen biết) gọi điện cho anh S, Đ nghe điện thoại nhờ anh S đến đón về nhà anh B1 để Đ lấy xe máy của Đ, rồi Đ điều khiển xe chở D về nhà Đ ngủ. Đến sáng ngày 08/6/2023, Cơ quan điều tra đã bắt được Đ và D, thu giữ vật chứng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ án tại cửa hàng vàng bạc “Đ”, địa chỉ: thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, phát hiện: Khu vực gần cổng có 01 bình xịt hơi cay; giữa sân trước cửa ra vào cửa hàng vàng bạc “Đ” có 01 xe mô tô (không đeo biển kiểm soát) dán băng dính màu xanh và màu trắng, trong cốp xe có 01 biển số xe 15B2 – 024.17, hai cờ lê và 01 vật hình chữ T dạng ngoàm. Cạnh xe mô tô có 01 búa đinh và 01 mũ lưỡi trai màu đỏ. Tại sân cách bậc lên xuống cửa hàng vàng bạc “Đ” 1,2m có nhiều mảnh kim loại màu vàng, hình trụ tròn dạng gãy vỡ từ kiềng đeo cổ rải rác trên diện (1,4 x 0,7)m, trong đó có 01 vòng tròn kim loại màu vàng dạng kiềng đeo cổ gần khép kín có chiều dài 38cm và 01 ba lô màu đen trong ba lô không có đồ vật nghi vấn, 01 ốp điện thoại màu đen; các mảnh kim loại màu vàng, mảnh lớn nhất dài 10cm; 01 chiếc dép da bên trái. Dưới nền giữa cửa ra vào cửa hàng V có các mảnh thủy tinh vỡ; mặt tủ kính cách tường phía Tây 0,9m có vết đập vỡ kính, dưới phần vỡ kính trong tủ có nhiều mảnh kính vỡ và các vòng kim loại màu vàng và các mảnh vỡ kim loại màu vàng từ các vòng kiềng. Phòng khách dưới nền nhà phát hiện 01 mảnh kim loại màu đen hình bầu dục dài nhất 1,7cm; rộng nhất 1,6cm.

Khám xét khẩu cấp nơi ở của Lương Văn Đ tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng, phát hiện thu giữ trên giường ngủ trong phòng gian tiếp giáp phòng khách 01 khẩu súng dạng côn xoay bằng kim loại, thân màu đen, báng súng màu nâu đen, phần súng dài khoảng 25cm, báng súng dài 25cm, súng lắp 05 vỏ đạn vỏ ngoài màu vàng.

Tại Kết luận giám định số 5395 ngày 03/8/2023, V1, Bộ C1 kết luận về dữ liệu trong USB do ông Nguyễn Đức N2 cung cấp: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 5159 ngày 21/7/2023, V1, Bộ C1 kết luận: Các đoạn kim loại màu vàng bên trong đều chứa chất màu nâu ghi thu tại sân của hàng vàng gửi giám định có tổng khối lượng 71,90 gam (tính cả khối lượng chất màu nâu); phần kim loại màu vàng đều là vàng (A1), hàm lượng trung bình A1: 99,95%. Các đoạn kim loại màu vàng bên trong đều chứa chất màu nâu ghi thu trong tủ kính gửi giám định có tổng khối lượng 137,0 gam (tính cả khối lượng chất màu nâu); phần kim loại màu vàng đều là vàng (A1), hàm lượng trung bình A1: 99,90%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3289 ngày 25/8/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND tỉnh H: 05 vòng kiềng vàng loại 24k trọng lượng mỗi vòng 3 chỉ, tổng là 15 chỉ x 5.510.000đồng= 82.650.000đồng. Mặt kính tủ dài 4,5m, rộng 60cm, dày 1,1cm và tiền công lắp đặt là 1.700.000đồng.

Tại Kết luận giám định số 4381 ngày 26/6/2023, V1 Bộ C1 kết luận: 01 bình xịt gửi giám định là bình xịt hơi cay, thuộc công cụ hỗ trợ.

Tại Kết luận giám định số 4392 ngày 15/6/2023, V1, Bộ C1 kết luận: Chất lỏng trong 01 bình xịt màu đen gửi giám định có tìm thấy 2-chlorobenzylidene malononitrile (C₁₀H₅ClN₂), thường gọi là CS. CS là chất gây bỏng da, kích ứng niêm mạc, gây cay, chảy nước mắt, nước mũi khi tiếp xúc với con người.

Tại Kết luận giám định số 4382 ngày 23/6/2023, V1, Bộ C1 kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng được chế tạo theo kiểu ổ quay, lắp vừa đạn thể thao cỡ 5,6mm. Hiện tại súng không có bộ phận kim hỏa nên không sử dụng để bắn được, không thuộc danh mục vũ khí. 05 vỏ đạn thu trong ổ quay của súng là vỏ đạn của loại đạn thể thao cỡ 5,6 x 15,5mm, không phải là vũ khí quân dụng. 01 mảnh kim loại thu tại nền nhà và 01 đầu đạn thu trong cơ thể anh Nguyễn Đăng N1 gửi giám định là đầu đạn của loại đạn thể thao cỡ 5,6mm, không phải là vũ khí quân dụng. Do khẩu súng gửi giám định không sử dụng để bắn được nên không có cơ sở xác định khả năng sát thương của súng và không có cơ sở xác định 05 vỏ đạn, 02 đầu đạn gửi giám định do khẩu súng trên bắn ra.

Tại Kết luận giám định số 5509 ngày 04/8/2023, V1, Bộ C1 kết luận: Khẩu súng gửi giám định trong trường hợp có bộ phận kim hỏa, còn sử dụng để bắn được thuộc vũ khí quân dụng và khi bắn đạn vào cơ thể người ở khoảng cách 2m - 4m gây chết hoặc bị thương.

Tại Kết luận giám định số 5171 ngày 25/6/2023, V1, Bộ C1 kết luận: Trong nòng súng, ổ tiếp đạn và 02 đầu đạn màu xám đen đều tìm thấy dấu vết của thuốc súng và cùng một loại thuốc súng.

Tại Kết luận giám định số 130 ngày 08/6/2023, Phòng K1, Công an tỉnh H kết luận: Trên xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA- EXITER tại hiện trường vụ việc phát hiện, thu được 04 dấu vết vân tay đủ yếu tố giám định truy nguyên đồng nhất (thu được tại mặt băng keo các mảnh đề can do đối tượng dán trên bề mặt vỏ xe để che dấu đặc điểm nhận biết). So sánh 04 dấu vết vân tay thu được ở trên (mẫu cần giám định) lần lượt so với các dấu vân tay in trong D2, Chỉ bản (mẫu so sánh), kết quả: 04 dấu vết vân tay thu được trên xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA- EXITER tại hiện trường vụ việc so với dấu vân tay in tại ô ngón “Trỏ phải” trong D2, Chỉ bản số 181, do Công an huyện B lập ngày 04/9/2014 đối với Lương Văn Đ, sinh năm 1990, ở xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng là của cùng một người.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 280 ngày 07/8/2023, Trung tâm pháp y Sở Y kết luận đối với anh Nguyễn Đăng N1: Vết thương vùng ngực trái gây thấu, chảy máu ổ bụng, xuyên thấu gan trái ở hạ phân thùy 3 từ mặt trước ra mặt sau, rách chân hoành trái, được mổ cầm máu gan tổn thương, khâu cầm máu vết thương chân hoành trái, lấy bỏ dị vật, dẫn lưu ổ bụng. Hiện ổn định, để lại 05 sẹo vết thương, mổ, dẫn lưu vùng ngực trái, bụng kích thước trung bình và nhỏ. 02 sẹo vết thương và sẹo mổ lấy dị vật mặt trước 1/3 trên đùi trái kích thước trung bình và nhỏ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Đăng N1 là 50%. 02 vết thương vùng ngực trái phía trước và mặt trước 1/3 trên đùi trái có đặc điểm do hỏa khí gây ra, anh N1 bị người khác sử dụng một khẩu súng bắn gây ra là phù hợp.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 322 ngày 29/9/2023, Trung tâm pháp y Sở Y kết luận đối với anh Nguyễn Văn D: Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt sau 1/3 giữa đùi phải kích thước trung bình. Nhiều vết xây xước da, bầm tím trên cơ thể, không phát hiện tổn thương di chứng, tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn D là 02%. Vết thương phần mềm mặt sau 1/3 giữa đùi phải có đặc điểm do hỏa khí gây ra, anh D bị người khác sử dụng một khẩu súng như Công an tỉnh H mô tả bắn gây ra là phù hợp.

Tại Cáo trạng số 92/CT-VKS-P2 ngày 30/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Lương Văn Đ tội Giết người theo điểm g, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, tội Cướp tài sản theo điểm d, g khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn D về tội Giết người theo điểm g, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, tội Cướp tài sản theo điểm d, g khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ phạm các tội Giết người, Cướp tài sản, Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Áp dụng điểm g, n khoản 1 Điều 123, điểm d, g khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 304, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55, Điều 57 (đối với tội Giết người) Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đ từ 15 năm 06 tháng tù đến 16 năm tù về tội Giết người; từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội Cướp tài sản; từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 03 tội từ 25 năm 06 tháng tù đến 27 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 08/6/2023.

1.2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm các tội Giết người, Cướp tài sản, Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Áp dụng điểm g, n khoản 1 Điều 123, điểm d, g khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 304, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55, Điều 57 (đối với tội Giết người) Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo D từ 13 năm 06 tháng tù đến 14 năm tù về tội Giết người; từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm tù về tội Cướp tài sản; từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 03 tội từ 21 năm 06 tháng tù đến 23 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 08/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho anh Tăng Văn S1 01 xe máy Exciter và chiếc biển số xe; trả lại các bị cáo điện thoại di động bị thu giữ, tịch thu cho tiêu hủy những vật chứng không còn giá trị và những công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo Đ khai nhận hành vi như cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác định việc bị cáo dùng súng để bắn dọa về phía anh N1, đến phát súng thứ 03 bị cáo mới biết trúng ngực anh N1 và không nhằm mục đích giết người nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội Giết người. Đề nghị xem xét lại vết thương ở đùi anh N1 có phải do bị cáo bắn gây ra hay không vì tại biên bản ban đầu xem xét thương tích của anh N1 không thể hiện vết thương này. Đối với 02 tội còn lại bị cáo thừa nhận như quyết định truy tố.

Bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội và tội danh như cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh Giết người cho hai bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho Đ đồng ý về tội danh, điều khoản pháp luật Viện kiểm sát truy tố và luận tội đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo để quyết định mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Người bào chữa cho D đồng ý về tội danh, điều khoản pháp luật Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Đối với tội Giết người, xác định bị cáo D là đồng phạm thứ yếu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội Giết người cho bị cáo D. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt các tội khác thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bị hại là anh N1 trình bày diễn biến sự việc như cáo trạng đã nêu. Anh N1 xác định đã được gia đình hai bị cáo bồi thường tổng số tiền 60.000.000 đồng, tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản thiệt hại nào khác. Bị hại là ông N2 xác định đã nhận lại được số vàng các bị cáo chiếm đoạt, tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Về trách nhiệm hình sự, các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Tăng S đề nghị được nhận lại chiếc xe mô tô hiện đang bị tịch thu vì khi anh S không biết Đ mượn để thực hiện việc phạm tội.

Người làm chứng: Chị H2 (là vợ anh N1) xác định không có mặt tại hiện trường khi xảy ra sự việc. Quá trình anh N1 bị thương phải điều trị tại bệnh viện và ở gia đình, chị H2 và các con là người trực tiếp chăm sóc nhưng chị không đề nghị giải quyết về vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử, xác định anh Trần Tăng S là người làm chứng và chị Trần Thị H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên sau khi xem xét hồ sơ vụ án và tranh luận tại phiên tòa thấy rằng anh S có liên quan đến chiếc xe mô tô hiện đang bị thu giữ; vấn đề dân sự trong vụ án đã được các bên tự thỏa thuận và giải quyết xong. Do đó Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng của anh S

là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và chị H2 là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, video trích xuất từ camera tại hiện trường, các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ năm 2018, Lương Văn Đ đã có hành vi cất giấu tại nhà ở của mình 01 khẩu súng col xoay dài khoảng 25cm là vũ khí quân dụng cùng 06 viên đạn; từ đầu năm 2022 Lương Văn Đ có hành vi tàng trữ cất giấu tại nhà ở của mình 01 bình xịt hơi cay. Khoảng 20 giờ ngày 07/6/2023, tại cửa hàng vàng bạc “Đ” của ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1955, ở thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương, Lương Văn Đ đã có hành vi dùng khẩu súng col xoay nói trên đe dọa, uy hiếp và bắn về phía anh Nguyễn Đăng N1 sinh năm 1977 (là con ông N), đồng thời Nguyễn Văn D dùng búa đinh đập mặt kính tủ trưng bày vàng bạc chiếm đoạt 03 vòng vàng loại kiềng đeo cổ có trị giá 49.590.000 đồng. Thấy vậy anh N1 đuổi theo ôm giữ D, thì tại sân trước cửa hàng vàng bạc “Đ” Đ cầm súng bắn liên tiếp 03 phát về phía anh N1, trong đó 02 phát đạn trúng vào ngực và đùi bên trái của anh N1, 01 phát đạn trúng vào đùi bên phải của D; rồi Đ và D bỏ chạy. Hậu quả: Anh N1 bị thương tích tổn hại sức khỏe 50%, mặt kính tủ trưng bày vàng bạc của ông N bị hư hỏng thiệt hại 1.700.000 đồng; Doanh bị thương tổn hại sức khỏe là 02%.

Hành vi của các bị cáo đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của các bị hại; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng: Từ năm 2018, Lương Văn Đ đã mua và cất giấu tại nhà của mình 01 khẩu súng col xoay dài khoảng 25cm cùng 06 viên đạn. Kết luận giám định của cơ quan giám định xác định khẩu súng trên là vũ khí quân dụng. Đ, D đã thống nhất sẽ sử dụng khẩu súng này để cướp tài sản, nếu chủ sở hữu tài sản chống trả thì sử dụng để bắn vào phía họ. Trên đường đi đến huyện K để cướp tài sản, tại bờ đê xã B, Đ đã bắn thử một phát đạn xem súng còn hoạt động hay không, D có chứng kiến hành vi này của Đ. Tại tiệm V2, Đ đã bắn 03 phát đạn về phía anh N1 để D chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Lương Văn Đ tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và truy tố Nguyễn Văn D tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Về hành vi cướp tài sản: Để có tiền tiêu sài cá nhân, các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất cách thức cướp tiệm vàng, chuẩn bị công cụ là súng để uy hiếp

chủ sở hữu tài sản, chuẩn bị các vật dụng nguy trang, che giấu hình ảnh cá nhân và phương tiện, phân công thực hiện các hành vi để cướp được tài sản. Tại tiệm V2, Đ đã dơ súng đe dọa anh N1, để D dùng búa đập vỡ tủ kính trưng bày vàng bạc chiếm đoạt 03 vòng vàng loại kiềng đeo cổ có trị giá 49.590.000 đồng. Ngày 01/11/2023, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K đã họp và có biên bản xác định vụ cướp tiệm vàng do Đ, D thực hiện đã gây ảnh hưởng đặc biệt nghiêm trọng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại xã Đ, đề nghị xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định pháp luật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo tội Cướp tài sản với các tình tiết định khung là “Sử dụng vũ khí phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” và “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” theo điểm d, g khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Về hành vi giết người: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ đều xác định việc bị cáo dùng súng để bắn dọa về phía anh N1, đến phát súng thứ 03 bị cáo mới biết trúng ngực anh N1 và không nhằm mục đích giết người. Tuy nhiên, lời khai của D tại các bút lục 280, 285, 287, 293, 295 và của Đ tại các bút lục 218, 224 có trong hồ sơ vụ án, cùng với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xem diễn biến sự việc thông qua các video trích xuất từ camera tại nhà ông N xác định: Trước đó các bị cáo không hề quen biết với bị hại, do quen thuộc địa bàn huyện K nên mới thực hiện cướp tiệm vàng ở khu vực này. Trước khi đi cướp, D và Đ đã bàn bạc với nhau về việc khi vào tiệm vàng Đ sẽ dùng súng bắn chỉ thiên để đe dọa, trấn áp những người có mặt, quá trình cướp nếu có người đuổi bắt thì sử dụng súng bắn người truy đuổi để tẩu thoát. Đ và D đã bắn thử một phát đạn ngoài bờ đê và xác định súng còn hoạt động. Tại tiệm V2, khi anh N1 trong nhà lao về phía Đ, D thì Đ đã chĩa súng về phía anh N1 ở ngang tầm mắt của anh N1 bắn một phát đạn nổ nhưng không trúng người anh N1. Khi D bị anh N1 ôm giữ, để D được tẩu thoát Đ đã bắn 03 phát súng về phía anh N1 (mỗi lần bắn xong Đ đều phải kéo búa đập về phía sau để lên đạn) khiến anh N1 bị trúng 02 phát đạn vào ngực và đùi trái. Kết luận giám định của V1 xác định đầu đạn thu giữ được tại đùi anh N1 do khẩu súng bị cáo Đ sử dụng bắn ra nên lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa cho rằng không gây ra vết thương tại đùi anh N1 là không có căn cứ chấp nhận; D khi biết Đ dùng súng bắn anh N1 nhưng không có lời nói hoặc hành động ngăn cản do cả hai đã bàn bạc với nhau trước đó. Hai bị cáo đều buộc phải nhận thức được súng là vũ khí nguy hiểm, nếu dùng súng bắn vào người khác ở tầm gần và trúng thì sẽ dẫn đến thương tích hoặc chết người. Thực tế bị cáo Đ đã bắn liên tiếp 04 phát đạn về phía anh N1 ở khoảng cách khoảng 02m, trong 02 phát đạn trúng anh N1 thì có 01 phát trúng vào vùng ngực, việc anh N1 không chết nằm ngoài ý thức của các bị cáo. Do vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Giết người. Tại thời điểm Đ bắn anh N1, hành vi cướp tài sản của các bị cáo đã hoàn thành, mục đích Đ bắn anh N1 để tẩu thoát không phải là để cướp tài sản, hành vi của Đ và D không thể che giấu được. Do đó hành vi này của các bị cáo thuộc tình tiết định khung “Giết người mà liền trước đó thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, không phải là “Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác” quy định tại điểm g

khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự (phạm tội có tình chất côn đồ) là có căn cứ nhưng truy tố theo điểm g khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử để xét xử các bị cáo tội Giết người theo điểm n, e khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

[3] Về vai trò trong vụ đồng phạm: Đối với tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, Đ thực hiện hành vi độc lập. Đối với những tội phạm còn lại: Đ là người đề xuất, lên phương án cướp tài sản, chuẩn bị các công cụ là súng, bình xịt hơi cay, búa, cờ lê, các vật dụng khác; tại nhà bị hại, Đ có hành vi cầm súng lên dọa, bắn anh N1 nên giữ vai trò chủ mưu. Doanh cùng Đ bàn bạc, đi mua áo chống nắng, khẩu trang, mũ lưỡi trai; tại nhà bị hại D có hành vi đập vỡ mặt tủ kính, tiếp nhận ý chí của Đ khi Đ bắn anh N1 nên giữ vai trò là người thực hành tích cực.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo cơ bản thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đ có bố được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang và Huân chương chiến công hạng 3 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân xấu, bị cáo Đ đã từng nhiều lần bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản và phải chấp hành hình phạt tù. Bị cáo D đã từng bị buộc đi cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện.

[6]. Về hình phạt

[6.1] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có dự mưu, bàn bạc thống nhất kế hoạch đồng phạm, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và che giấu hành vi, thực hiện tội phạm một cách manh động, coi thường tính mạng người khác nên cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với tội Giết người các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 57 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Do các bị cáo phạm nhiều tội nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

[6.2] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra, truy tố bà Bùi Thị B (mẹ của D) và bà Bùi Thị M (mẹ của Đ) mỗi người đã tự nguyện bồi thường cho anh N1 30.000.000 đồng, anh N1 không có yêu cầu gì khác. Đối với 03 vòng kiềng

vàng trị giá 49.590.000 đồng của ông N, cơ quan điều tra đã trả lại cho ông N; mặt kính tủ trưng bày vàng bạc của gia đình ông N bị đập vỡ hư hỏng thiệt hại giá trị là 1.700.000 đồng ông N không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Do đó, về trách nhiệm dân sự các bên đã giải quyết xong, không đặt ra giải quyết.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 xe máy là phương tiện các bị cáo di chuyển đi lại để cướp tài sản thuộc sở hữu của anh Trần Tăng S, anh S không biết các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội và có yêu cầu nhận lại nên cần trả lại chiếc xe cho anh S. Đối với những vật chứng khác mà các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội và những vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 03 điện thoại tịch thu của các bị cáo là tài sản của bị cáo Đ và bị cáo D không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về những vấn đề khác:

[9.1] Đối với hành vi Đ cầm súng bắn về phía anh N1 trong lúc anh N1 đang ôm, giữ D nhưng đã bắn trúng vào phía sau đùi phải của D gây thương tích tổn hại sức khỏe 02%. Đây là hành vi vô ý gây thương tích tuy nhiên Doanh không yêu cầu xử lý hình sự nên không cấu thành tội Vô ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Ngày 13/11/2023, Công an tỉnh H đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Đ là phù hợp.

[9.2] Đối với hành vi của Đ tàng trữ, sử dụng trái phép 01 bình xịt hơi cay thuộc công cụ hỗ trợ. Ngày 13/11/2023, Công an tỉnh H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ là phù hợp.

[9.3] Đối với anh Trần Tăng S và anh Phạm Văn B1 cho Đ mượn xe máy đi đến huyện K và sau khi thực hiện tội phạm Đ đã gọi điện nhờ anh S đến đón, chở Đ và D về nhưng anh S và anh B1 không biết về hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không đặt vấn đề xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ điểm e, n khoản 1 Điều 123, điểm d, g khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 304, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 55, Điều 57 (đối với tội Giết người), Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Lương Văn Đ và Nguyễn Văn D; căn cứ thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn Đ.

2. Về tội danh:

2.1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ phạm các tội Giết người; Cướp tài sản; Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

2.2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm các tội Giết người; Cướp tài sản; Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

3. Về hình phạt chính:

3.1. Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ 15 (mười lăm) năm tù về tội Giết người; 08 (T3) năm tù về tội Cướp tài sản; 02 (hai) năm tù về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 03 tội là 25 (Hai mươi lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/6/2023.

3.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 13 (mười ba) năm tù về tội Giết người; 07 (bảy) năm tù về tội Cướp tài sản; 01 (một) năm tù về tội Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 03 tội là 21 (hai mươi mốt) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08/6/2023.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

5. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

6. Về vật chứng:

- Trả lại cho anh Tăng Văn S1 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter sơn màu đỏ, đen và 01 biển kiểm soát số 15B2 - 024.17.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 búa bằng kim loại; 01 mũ lưỡi trai màu đỏ; 01 ba lô màu đen; 01 ốp điện thoại; 01 bình xịt hơi cay; 01 dị vật dạng trụ tròn đường kính xấp xỉ 05mm, dài 15mm; 01 mảnh kim loại màu đen bị biến dạng kích thước (16x8x5)mm; 01 đầu đạn hình trụ dài 12mm, đường kính lớn nhất 5,7mm; 05 vỏ đạn bằng kim loại màu vàng; 01 khẩu súng dạng ổ quay dài 19,5cm; 01 áo sơ mi dài tay màu đen; 01 áo khoác thu đông màu đen; 01 áo khoác thu đông màu đen đính 05 cúc bấm phía trước; 01 quần dài cạp chun có dây buộc màu đen nhãn hiệu Adidas; 01 đôi găng tay màu xanh trắng; 01 khẩu trang vải kẻ caro; 01 đôi giày màu đen trên thân có chữ Adidas; 01 túi đeo nhãn hiệu Adidas.

- Trả lại cho Lương Văn Đ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen có số Imei 3530190927133844; trả lại Nguyễn Văn D 01 điện thoại Samsung Galaxy S6 bị vỡ màn hình, trầy xước, vỡ mặt sau và 01 điện thoại Nokia màu đen có lắp sim số 0924.163.060.

Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/12/2023 giữa Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương

7. Về án phí: Buộc bị cáo Lương Văn Đ, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- PC02- CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Tòa, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Hữu Hiệu**